



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG  
INNOVATIVE TECHNOLOGY DEVELOPMENT CORPORATION  
[www.itd.vn](http://www.itd.vn)

Mã chứng khoán: ITD  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
TỪ NGÀY 1/10/2012 ĐẾN 31/12/2012



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Địa chỉ : Số 1, tòa nhà TTC, Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2012 đến 31/12/2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/04/2012
<b>A-Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>113,253,911,695</b>	<b>112,388,675,892</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>20,085,096,433</b>	<b>2,163,529,182</b>
1. Tiền	111		20,085,096,433	1,941,932,498
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	221,596,684
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>9,890,216,228</b>	<b>4,276,752,300</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		9,890,216,228	4,276,752,300
2. Dự phòng giảm đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III- Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>44,651,300,093</b>	<b>44,401,221,151</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		28,428,804,111	37,323,622,280
2. Trả trước cho người bán	132		13,114,564,217	4,667,475,804
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	3,673,185,892	2,684,319,732
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	V.04	(565,254,127)	(274,196,665)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.05</b>	<b>32,662,335,238</b>	<b>53,344,160,405</b>
1. Hàng tồn kho	141		34,437,461,286	55,119,286,453
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1,775,126,048)	(1,775,126,048)
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5,964,963,703</b>	<b>8,203,012,854</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		245,809,911	310,762,675
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,429,424,469	4,699,849,491
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		31,745,670	31,861,171
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	3,257,983,653	3,160,539,517



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Địa chỉ : Số 1, tòa nhà TTC, Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2012 đến 31/12/2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/04/2012
<b>B-Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>183,234,724,685</b>	<b>188,724,265,269</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>82,718,620,883</b>	<b>85,831,425,842</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	60,360,840,079	62,856,960,039
- Nguyên giá	222		71 327 152 207	69,915,736,514
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(10 966 312 128)	(7,058,776,475)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	22,357,780,804	22,974,465,803
- Nguyên giá	228		24 573 957 371	24,573,957,371
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2 216 176 567)	(1,599,491,568)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	-	-
<b>III- Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>97,172,350,017</b>	<b>98,964,669,119</b>
1. Đầu tư tư vào công ty con	251	V.10	91,671,659,119	90,220,669,119
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên danh	252	V.11	4,230,000,000	4,230,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	7,464,000,000	8,214,000,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.13	(6,193,309,102)	(3,700,000,000)
<b>V- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3,343,753,785</b>	<b>3,928,170,308</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	3 343 753 785	3,928,170,308
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>Tổng cộng tài sản (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>296,488,636,380</b>	<b>301,112,941,161</b>



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Địa chỉ : Số 1, tòa nhà TTC, Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2012 đến 31/12/2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/04/2012
<b>A-Nợ phải trả (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>122,345,321,006</b>	<b>141,386,253,958</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>68,221,022,033</b>	<b>90,361,538,317</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	9 339 807 802	18,913,342,460
2. Phải trả cho người bán	312		18 820 112 127	38,028,525,917
3. Người mua trả tiền trước	313		18 856 595 632	7,241,339,665
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	57 025 693	1,222,681,330
5. Phải trả người lao động	315			51,329,091
6. Chi phí phải trả	316	V.17	1 707 170 075	362,830,251
7. Phải trả nội bộ	317			-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	318			-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	14 530 335 853	19,794,285,465
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		2 737 914 744	2,636,617,751
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2 172 060 107	2,110,586,387
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>54,124,298,973</b>	<b>51,024,715,641</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		2 148 926 221	1,951,804,436
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	51 905 012 834	48,467,900,587
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		29 214 191	563,864,891
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		41,145,727	41,145,727
<b>B-Vốn chủ sở hữu (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>174,143,315,374</b>	<b>159,726,687,203</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>174,143,315,374</b>	<b>159,726,687,203</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		127,711,950,000	127,711,950,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(15,680,000)	(15,680,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		293,589,662	293,589,662
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		46,153,455,712	31,736,827,541
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>296,488,636,380</b>	<b>301,112,941,161</b>

Trương Thị Phương Dung  
Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 1 năm 2013

Nguyễn Thị Bạch Tuyết  
Tổng giám đốc



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Địa chỉ : Số 1, tòa nhà TTC, Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

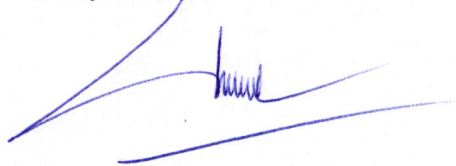
Cho kỳ kế toán từ 01/10/2012 đến 31/12/2012

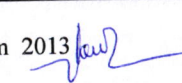
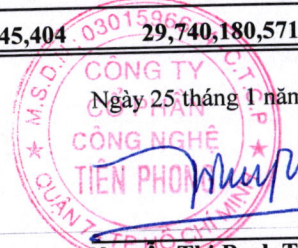
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

(Dạng đầy đủ)

Từ ngày 1/10/2012 đến 31/12/2012

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ ngày 1/10/2012 đến 31/12/2012		Lũy kế từ 01/04/2012 đến 31/12/2012	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	22,210,706,307	110,539,849,838	87,190,431,395	145,562,107,638
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	1,177,810,173	-	1,361,763,408
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	22,210,706,307	109,362,039,665	87,190,431,395	144,200,344,230
4. Giá vốn hàng bán	VI.02	17,523,065,022	94,916,405,114	66,644,630,816	120,022,892,090
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4,687,641,285	14,445,634,551	20,545,800,579	24,177,452,140
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.03	9,103,140,787	5,627,753,925	34,833,177,486	26,830,413,875
7. Chi phí tài chính	VI.04	2,773,428,293	8,112,561,369	11,304,454,976	9,846,263,206
.- Trong đó: Lãi vay phải trả		2,424,808,833	4,750,183,268	8,368,929,895	6,136,927,712
8. Chi phí bán hàng	VI.05	2,253,670,939	5,185,391,971	7,910,866,555	11,425,849,801
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.06	2,023,524,865	3,820,631,782	7,008,055,379	8,177,367,976
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+2		6,740,157,975	2,954,803,354	29,155,601,155	21,558,385,032
11. Thu nhập khác	VI.07	187,945,378	13,309,121	608,393,384	206,625,151
12. Chi phí khác	VI.08	18,057,267	15,211,635	42,863,885	42,552,536
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)		169,888,111	(1,902,514)	565,529,499	164,072,615
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)		6,910,046,086	2,952,900,840	29,721,130,654	21,722,457,647
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.09	-	(641,944,564)	(19,049,917)	1,643,341,238
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)		6,910,046,086	3,594,845,404	29,740,180,571	20,079,116,409

  
**Trương Thị Phương Dung**  
 Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 1 năm 2013   
  
**Nguyễn Thị Bạch Tuyết**  
 Tổng giám đốc

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Địa chỉ : Số 1, tòa nhà TTC, Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2012 đến 31/12/2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 1/10/2012 đến 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 1/04/2012 đến 31/12/2012	Từ ngày 1/04/2011 đến 31/12/2011
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		29,721,130,654	21,722,457,647
2. Điều chỉnh cho các khoản:				-
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.07, V.08	5,056,318,687	1,566,577,738
- Các khoản dự phòng	03		2,784,366,564	3,479,979,885
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	-	235,952,435
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(34,811,804,748)	(26,466,251,648)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	8,368,929,895	6,136,927,712
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		11,118,941,052	6,675,643,769
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		24,712,015,136	10,691,101,089
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		20,681,825,167	(14,663,642,591)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(9,542,628,302)	35,819,194,680
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		649,369,287	(2,105,756,082)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(8,109,885,097)	(5,917,311,413)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(1,902,220,799)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2,378,616,587	2,985,634,909
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3,303,186,228)	(3,470,134,441)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>38,585,067,602</b>	<b>28,112,509,121</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1,955,162,899)	(47,280,627,177)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		164,700,000	43,590,910
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9,804,990,395)	(8,370,250,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4,191,526,467	5,310,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(700,990,000)	(8,271,450,725)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	17,622,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12,564,742,127	17,847,427,415
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>4,459,825,300</b>	<b>(23,099,309,577)</b>




**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Địa chỉ : Số 1, tòa nhà TTC, Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**


Cho kỳ kế toán từ 01/10/2012 đến 31/12/2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Từ ngày 1/04/2012 đến 31/12/2012	Từ ngày 1/04/2011 đến 31/12/2011
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.20	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15, V.19	25,705,467,666	51,534,999,868
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15, V.19	(35,505,240,917)	(32,495,391,758)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20	(15,323,552,400)	(9,287,064,800)
			<u>(25,123,325,651)</u>	<u>9,752,543,310</u>
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40			-
			17,921,567,251	14,765,742,854
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50			-
			2,163,529,182	4,431,223,592
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	V.1	-	(29,705,279)
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
			20,085,096,433	19,167,261,167
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	V.1		

  
**Trương Thị Phương Dung**  
 Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 1 năm 2013



  
**Nguyễn Thị Bạch Tuyết**  
 Tổng Giám đốc



**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- 1. Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh:** Thương mại và dịch vụ
- 3. Ngành nghề kinh doanh:**
  - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
  - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
  - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
  - Buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
  - Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
  - Mua bán hệ thống an ninh, hệ thống báo cháy, báo trộm, giám sát bán hàng
  - Sản xuất và mua bán phần mềm tin học
- 4. Nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty có 78 nhân viên đang làm việc

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- 1. Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm 2012 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2013
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**  
Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- 2. Tiền và tương đương tiền**  
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.
- 3. Hàng tồn kho**  
Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.  
Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.  
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.
- 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**  
Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.  
Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.
- 5. Tài sản cố định hữu hình**  
Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2012 đến 31/12/2012

nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Máy móc và thiết bị	03-05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03-06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02-05
Tài sản cố định khác	02

**6. Tài sản thuê hoạt động**

*Công ty là bên đi thuê*

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

**7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (30 năm).

***Phần mềm máy tính***

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 04 năm.

**8. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**9. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

**10. Chi phí trả trước dài hạn*****Thẻ hội viên chơi golf***

Chi phí đã trả được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 44 năm.

***Chi phí sửa chữa***

Chi phí sửa chữa văn phòng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 2-5 năm

**11. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

**12. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là  $\frac{1}{2}$  tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

**13. Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được sử dụng cho đầu tư khoa học và công nghệ tại Công ty.

**14. Các khoản dự phòng phải trả**

Một khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng làm giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán khoản nợ đó đồng thời nghĩa vụ nợ phải trả được ước tính một cách đáng tin cậy. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ. Tỷ lệ chiết khấu được sử dụng là tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh rõ những ước tính trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

*Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa*

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 02% trên doanh thu các sản phẩm, hàng hóa.

**15. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

**16. Cổ phiếu quỹ**

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

**17. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

**18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

*Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ kế toán từ 01/10/2012 đến 31/12/2012

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:

31/03/12 :	20.860 VND/USD
31/12/12 :	20.855 VND/USD

**20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

***Doanh thu bán hàng hoá***

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

<b>Đối tượng</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/04/2012</b>
Tiền mặt	165,191,172	142,382,660
Tiền gửi ngân hàng	19,919,905,261	1,799,549,838
Các khoản tương đương tiền (*)		221,596,684
<b>Cộng</b>	<b>20,085,096,433</b>	<b>2,163,529,182</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

**2. Đầu tư ngắn hạn**

<b>Đối tượng</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/04/2012</b>
Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	20,962,500	395,752,300
Cho vay	9,869,253,728	3,881,000,000
<b>Cộng</b>	<b>9,890,216,228</b>	<b>4,276,752,300</b>

**3. Các khoản phải thu khác**

<b>Đối tượng</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/04/2012</b>
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1,779,420,000	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu chưa khấu trừ	24,875,961	1,635,517,267
Chi hộ cho các đơn vị ủy thác xuất, nhập khẩu		
Phải thu khác từ các công ty con, công ty liên kết	1,664,712,215	1,014,530,663
Phải thu khác từ các cá nhân	43,000,000	
Phải thu khác	161,177,716	34,271,802
<b>Cộng</b>	<b>3,673,185,892</b>	<b>2,684,319,732</b>

**4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

<b>Đối tượng</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/04/2012</b>
Số dư 01/04/2012	274,196,665	274,196,665
Tăng trong kỳ	572,068,375	
Hoàn nhập trong kỳ	-92,823,909	
Chuyển sang theo dõi ngoài bảng	-188,187,004	
<b>Số dư 30/09/2012</b>	<b>565,254,127</b>	<b>274,196,665</b>

**5. Hàng tồn kho**

<b>Đối tượng</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/04/2012</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	22,941,947,567	44,373,877,792
Hàng hóa	11,495,513,719	10,745,408,661
	<b>34,437,461,286</b>	<b>55,119,286,453</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1,775,126,048)	(1,775,126,048)
<b>Cộng</b>	<b>32,662,335,238</b>	<b>53,344,160,405</b>

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ kế toán từ 01/10/2012 đến 31/12/2012

**6. Tài sản ngắn hạn khác**

<b>Đối tượng</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/04/2012</b>
Tạm ứng	202,200,000	172,292,210
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3,055,783,653	2,988,247,307
<b>Cộng</b>	<b>3,257,983,653</b>	<b>3,160,539,517</b>

**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

<b>Đối tượng</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Tài sản cố định khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	60,137,447,708	278,418,783	5,996,223,616	3,447,829,927	55,816,480	69,915,736,514
Mua sắm mới		1,108,644,000		94,542,181		1,203,186,181
Phân loại lại tài sản từ nhà cửa, vật kiến trúc	(16,302,235,854)	16,302,235,854				-
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	751,976,718					751,976,718
Thanh lý, nhượng bán			(372,887,273)	(170,859,933)		(543,747,206)
<b>Số cuối năm</b>	<b>44,587,188,572</b>	<b>17,689,298,637</b>	<b>5,623,336,343</b>	<b>3,371,512,175</b>	<b>55,816,480</b>	<b>71,327,152,207</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	1,356,477,803	239,782,424	2,541,720,324	2,864,979,444	55,816,480	7,058,776,475
Khấu hao trong r	1,417,045,866	374,420,614	653,707,476	274,797,262		2,719,971,218
Thanh lý, nhượng bán			(372,887,273)	(159,210,762)		(532,098,035)
Phân loại lại tài sản từ nhà cửa, vật kiến trúc	(668,017,535)	2,387,680,005				1,719,662,470
<b>Số cuối năm</b>	<b>2,105,506,134</b>	<b>3,001,883,043</b>	<b>2,822,540,527</b>	<b>2,980,565,944</b>	<b>55,816,480</b>	<b>10,966,312,128</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	58,780,969,905	38,636,359	3,454,503,292	582,850,483		62,856,960,039
<b>Số cuối năm</b>	<b>42,481,682,438</b>	<b>14,687,415,594</b>	<b>2,800,795,816</b>	<b>390,946,231</b>	<b>-</b>	<b>60,360,840,079</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, một số phương tiện vận tải có giá trị còn lại xấp xỉ 990 triệu VNĐ được thế chấp tại ngân hàng Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo các khoản vay cho công ty.

**8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

<b>Đối tượng</b>	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm máy vi tính</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	24,053,529,245	520,428,126	24,573,957,371
Mua sắm mới			
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>24,053,529,245</b>	<b>520,428,126</b>	<b>24,573,957,371</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu kỳ	1,121,645,080	477,846,488	1,599,491,568
Khấu hao trong kỳ	575,749,377	40,935,622	616,684,999
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1,697,394,457</b>	<b>518,782,110</b>	<b>2,216,176,567</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	22,931,884,165	42,581,638	22,974,465,803
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>22,356,134,788</b>	<b>1,646,016</b>	<b>22,357,780,804</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 22.356 triệu VNĐ được thế chấp tại Ngân hàng CPGP Công Thương - Chi nhánh Nam Sài Gòn để đảm bảo khoản vay dài hạn cho công ty



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ kế toán từ 01/10/2012 đến 31/12/2012

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

<b>Đối tượng</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/04/2012</b>
Số dư đầu năm		
Tăng trong kỳ	751,976,718	187,200,000
Chuyển sang tài sản cố định	(751,976,718)	(187,200,000)
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**10. Đầu tư vào công ty con**

<b>Đối tượng</b>	<b>31/12/2012</b>			<b>01/04/2012</b>		
	<b>% quyền sở hữu</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>% quyền sở hữu</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	57.13%	725,496	7,254,960,000	59.27%	580,397	5,803,970,000
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính	82.74%	819,388	8,193,880,000	82.74%	819,388	8,193,880,000
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	50.51%	3,558,840	35,167,529,294	50.51%	3,558,840	35,167,529,294
Công ty cổ phần công nghệ Tin Thông	71.79%	926,066	9,260,660,000	71.79%	926,066	9,260,660,000
Công ty TNHH một thành viên phần mềm Tiên Phong	100%	990,000	9,900,000,000	100%	990,000	9,900,000,000
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu	44.99%	4,129,249	21,894,629,825	44.80%	4,129,249	21,894,629,825
<b>(*)</b>						
<b>Cộng</b>			<b>91,671,659,119</b>			<b>90,220,669,119</b>

(\*) Công ty được nhận ủy quyền biểu quyết của các cá nhân với tỷ lệ 9,3% vốn cổ phần thực góp trong Công ty Cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu để nắm tổng số quyền biểu quyết trong Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu là 54.29%

**11. Đầu tư vào công ty liên kết**

<b>Đối tượng</b>	<b>31/12/2012</b>			<b>01/04/2012</b>		
	<b>% quyền sở hữu</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>% quyền sở hữu</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>
Công ty cổ phần công nghệ Thiên Vận	32%	192,000	1,920,000,000	32%	192,000	1,920,000,000
Công ty cổ phần định vị Tiên Phong	69.84%	231,000	2,310,000,000	69.84%	231,000	2,310,000,000
<b>Cộng</b>			<b>4,230,000,000</b>			<b>4,230,000,000</b>

**12. Đầu tư dài hạn khác**

<b>Đối tượng</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/04/2012</b>
Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng Toàn Cầu -GII	14,000,000	14,000,000
Công ty cổ phần thiết bị điện Thạch Anh	3,000,000,000	4,050,000,000
Công ty cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	1,800,000,000	1,500,000,000
Công ty cổ phần thanh toán trực tuyến Mùa Xuân	2,650,000,000	2,650,000,000
<b>Cộng</b>	<b>7,464,000,000</b>	<b>8,214,000,000</b>

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2012 đến 31/12/2012

**13. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

Đối tượng	31/12/2012	01/04/2012
Công ty CP Thanh toán trực Tuyến Mùa Xuân	1,466,376,077	800,000,000
Công ty CP Định Vị Tiên Phong	1,752,885,696	1,700,000,000
Công ty CP Thái Sơn Tiên Phong	1,510,092,219	1,200,000,000
Công ty CP Thiết bị Điện Thạch Anh	1,463,955,110	
<b>Cộng</b>	<b>6,193,309,102</b>	<b>3,700,000,000</b>

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

Đối tượng	01/04/2012	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	31/12/2012
Chi phí thẻ hội viên golf	815,060,326			815,060,326
Chi phí sửa chữa văn phòng	3,113,109,982	32,549,940	(616,966,463)	2,528,693,459
<b>Cộng</b>	<b>3,928,170,308</b>	<b>32,549,940</b>	<b>(616,966,463)</b>	<b>3,343,753,785</b>

**15. Vay và nợ ngắn hạn**

Đối tượng	31/12/2012	01/04/2012
Vay ngắn hạn ngân hàng	7,339,807,802	5,813,992,620
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)		2,645,156,360
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(a)</sup>	7,339,807,802	3,168,836,260
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	1,500,000,000	9,331,000,000
- Công ty CP Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	1,500,000,000	4,581,000,000
- Công ty TNHH TM & DV Kiều Phong		1,000,000,000
- Nguyễn Thị Bạch Tuyết (GD chiến lược truyền thông)		50,000,000
- Vay ngắn hạn các cá nhân khác (không thuộc thành viên chủ chốt là HĐQT và BGD, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng)		3,700,000,000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 19)	500,000,000	3,768,349,840
<b>Cộng</b>	<b>9,339,807,802</b>	<b>18,913,342,460</b>

<sup>(a)</sup> Khoản vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động.

Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp xe Mercedes của công ty và nhà của Ông Lâm Thiếu Quân (thành viên hội đồng quản trị).

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Đối tượng	31/12/2012	01/04/2012
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa		
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	12,368,477	1,293,670
Thuế xuất, nhập khẩu		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,810,866	801,064,950
Thuế thu nhập cá nhân	40,846,350	420,322,710
Các loại thuế khác		
<b>Cộng</b>	<b>57,025,693</b>	<b>1,222,681,330</b>

**17. Chi phí phải trả**

Đối tượng	31/12/2012	01/04/2012
Chi phí lãi vay	166,175,881	30,511,708
Giá vốn hàng hóa phải trả	1,540,994,194	224,318,543
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác		108,000,000
<b>Cộng</b>	<b>1,707,170,075</b>	<b>362,830,251</b>

**18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

Đối tượng	31/12/2012	01/04/2012
Tài sản thừa chờ giải quyết	285,840,407	285,840,407
Bảo hiểm xã hội	-	252,268,816
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	493,077,000	498,077,000
Phải trả khác cho các cty con, công ty liên kết	5,398,158,625	9,195,408,500
Phải trả khác cho cá nhân	8,320,000,000	9,520,000,000
Phải trả khác	33,259,821	42,690,742
<b>Cộng</b>	<b>14,530,335,853</b>	<b>19,794,285,465</b>



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2012 đến 31/12/2012

**19. Vay và nợ dài hạn**

<b>Đối tượng</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/04/2012</b>
Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - Chi nhánh Lê Văn Sỹ		209,994,000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn <sup>(b)</sup>	52,405,012,834	52,026,256,427
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 15)	-500,000,000	(3,768,349,840)
<b>Cộng</b>	<b>51,905,012,834</b>	<b>48,467,900,587</b>

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất thuê với thời hạn thuê kết thúc tại ngày 23/9/2041 nằm tại Lô A1, đường 20, Khu E-Office, Khu chế xuất Tân Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

**20. Vốn chủ sở hữu**

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ/năm như sau:

<b>Đối tượng</b>	<b>Vốn đầu cổ phần</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Tổng cộng</b>
Số dư, ngày 01/01/2012	116,103,990,000	(15,680,000)	41,373,909,982	293,589,662	157,755,809,644
Lợi nhuận trong kỳ			2,190,499,178		2,190,499,178
Trích lập các quỹ			(219,621,619)		(219,621,619)
Chia cổ tức			(11,607,960,000)		(11,607,960,000)
Tăng vốn	11,607,960,000				11,607,960,000
Số dư, ngày 01/04/2012	127,711,950,000	(15,680,000)	31,736,827,541	293,589,662	159,726,687,203
Lợi nhuận trong kỳ			29,740,180,571		29,740,180,571
Trích lập các quỹ					-
Chia cổ tức 12%			(15,323,552,400)		(15,323,552,400)
Số dư, ngày 31/12/2012	<b>127,711,950,000</b>	<b>(15,680,000)</b>	<b>46,153,455,712</b>	<b>293,589,662</b>	<b>174,143,315,374</b>

Vốn cổ phần được phê duyệt và đã phát hành của Công ty:

	<b>31/12/2012</b>		<b>01/04/2012</b>	
	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
Vốn cổ phần được phê duyệt	12,771,195	127,711,950,000	12,771,195	127,711,950,000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	12,771,195	127,711,950,000	12,771,195	127,711,950,000
Mua lại cổ phiếu phổ thông đã phát hành	(1,568)	(15,680,000)	(1,568)	(15,680,000)
Số cổ phiếu phổ thông hiện đang lưu hành	12,769,627	127,696,270,000	12,769,627	127,696,270,000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ.

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ kế toán từ 01/10/2012 đến 31/12/2012

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Đối tượng	Từ 1/4/2012 đến 31/12/2012	Từ 1/4/2011 đến 31/12/2011
Tổng doanh thu	87,190,431,395	145,562,107,638
- Doanh thu bán hàng hóa	67,146,917,591	114,071,290,539
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	20,043,513,804	#####
Khoản giảm trừ doanh thu hàng bán bị trả lại	-	(1,361,763,408)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>87,190,431,395</b>	<b>144,200,344,230</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

Đối tượng	Từ 1/4/2012 đến 31/12/2012	Từ 1/4/2011 đến 31/12/2011
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	51,428,441,345	87,735,911,751
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	15,216,189,471	31,677,412,408
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	609,567,931
<b>Cộng</b>	<b>66,644,630,816</b>	<b>120,022,892,090</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Đối tượng	Từ 1/4/2012 đến 31/12/2012	Từ 1/4/2011 đến 31/12/2011
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	154,166,197	1,938,886,095
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	130,217,438	267,231,419
Lãi tiền cho vay	937,692,381	291,014,000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	33,566,895,341	14,802,148,611
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	-	9,422,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	44,075,917	96,836,309
Doanh thu hoạt động tài chính khác	130,212	12,297,441
<b>Cộng</b>	<b>34,833,177,486</b>	<b>26,830,413,875</b>

**4. Chi phí hoạt động tài chính**

Đối tượng	Từ 1/4/2012 đến 31/12/2012	Từ 1/4/2011 đến 31/12/2011
Chi phí lãi vay	8,368,929,895	6,136,927,712
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	235,952,435
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	400,666,039	690,620,831
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	2,493,309,102	2,779,000,000
Chi phí hoạt động tài chính khác	41,549,940	3,762,228
<b>Cộng</b>	<b>11,304,454,976</b>	<b>9,846,263,206</b>

**5. Chi phí bán hàng**

Đối tượng	Từ 1/4/2012 đến 31/12/2012	Từ 1/4/2011 đến 31/12/2011
Chi phí cho nhân viên	6,320,035,678	7,838,529,277
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	197,418,315	349,868,803
Chi phí khấu hao tài sản cố định	440,078,189	402,046,476
Chi phí bảo hành	66,113,310	296,259,108
Chi phí dịch vụ mua ngoài	703,100,389	1,774,080,769
Chi phí khác	184,120,674	765,065,368
<b>Cộng</b>	<b>7,910,866,555</b>	<b>11,425,849,801</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Đối tượng	Từ 1/4/2012 đến 31/12/2012	Từ 1/4/2011 đến 31/12/2011
Chi phí cho nhân viên	4,384,793,844	4,859,124,393
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	215,854,757	235,885,160
Chi phí khấu hao tài sản cố định	575,066,027	574,318,699
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,386,417,199	1,742,368,196
Chi phí khác	445,923,552	765,671,528
<b>Cộng</b>	<b>7,008,055,379</b>	<b>8,177,367,976</b>



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ kế toán từ 01/10/2012 đến 31/12/2012

**7. Thu nhập khác**

Đối tượng	Từ 1/4/2012 đến 31/12/2012	Từ 1/4/2011 đến 31/12/2011
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	164,700,000	46,221,521
Hoàn nhập trích dự phòng bảo hành	313,133,539	
Thu khác	130,559,845	160,403,630
<b>Cộng</b>	<b>608,393,384</b>	<b>206,625,151</b>

**8. Chi phí khác**

Đối tượng	Từ 1/4/2012 đến 31/12/2012	Từ 1/4/2011 đến 31/12/2011
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	11,649,171	31,387,968
Giá trị vật tư, công cụ thanh lý		
Chi phí khác	31,214,714	11,164,568
<b>Cộng</b>	<b>42,863,885</b>	<b>42,552,536</b>

**9. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế suất áp dụng

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế. Tuy nhiên theo nghị quyết số 29/2012/QH13, thuế TNDN được giảm 30%

Đối tượng	Từ 1/4/2012 đến 31/12/2012	Từ 1/4/2011 đến 31/12/2011
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Kỳ/năm hiện hành	(19,049,917)	1,643,341,238

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

Đối tượng	Từ 1/4/2012 đến 31/12/2012	Từ 1/4/2011 đến 31/12/2011
Chi phí hàng hóa xuất bán	31,105,606,349	95,598,251,540
Chi phí nhân công	11,109,345,522	13,485,647,670
Thiết bị văn phòng và văn phòng phẩm	413,273,072	585,753,963
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5,054,960,463	2,017,874,017
Dự phòng bảo hành, hàng tồn kho	1,135,278,844	2,787,525,315
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10,682,754,049	30,754,159,505
Chi phí khác	630,404,226	1,586,797,788
<b>Cộng</b>	<b>60,131,622,525</b>	<b>146,816,009,798</b>

**12. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Thu nhập của Ban Giám đốc trong kỳ/năm như sau:

			31/12/2012	01/04/2012
Tiền lương và các khoản thu nhập khác			1,131,750,000	330,000,000
Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ/năm như sau				
Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	31/12/2012	01/04/2012
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	Công ty con	Góp vốn	(1,450,990,000)	
		Nhận cổ tức	10,084,273,806	
		Phí nhượng quyền	1,014,380,997	293,368,608
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,372,559,848	470,893,944
		Mua hàng hóa, dịch vụ	(47,691,182)	(5,726,310)
		Nhận cổ tức	3,687,246,000	
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính	Công ty con	Phí nhượng quyền	489,424,603	103,604,904
		Mua hàng hóa, dịch vụ	(50,277,460)	

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ kế toán từ 01/10/2012 đến 31/12/2012

<i>Công ty TNHH liên doanh Global Sitem</i>	Bên liên quan	Bán hàng và cung cấp dịch vụ Mua hàng, dịch vụ	317,611,819 (3,500,000)	6,480,000
Trong số dư phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả khách hàng, phải trả khác có các số dư nội bộ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:				
<b>Bên liên quan</b>	<b>Quan hệ</b>	<b>Bản chất số dư</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/04/2012</b>
<b>Các khoản phải thu</b>				
<i>Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến</i>	Công ty con	Phải thu TM	427,821,875	1,267,596,161
		Phải thu phi TM		(1,020,013)
<i>Công ty cổ phần tin học Siêu Tính</i>	Công ty con	Phải thu TM	752,407,165	438,260,817
		Phải thu phi TM		(117,870,416)
<i>Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh</i>	Công ty con	Phải thu TM	5,373,591,248	3,799,400,506
		Phải thu phi TM	2,589,668,088	594,778,000
<i>Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông</i>	Công ty con	Phải thu TM	240,774,984	250,303,489
<i>Công ty TNHH một thành viên phần mềm Tiên Phong</i>	Công ty con	Phải thu TM	12,106,417	504,259,629
		Phải thu phi TM		144,000,000
<i>Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu</i>	Công ty con	Phải thu TM	653,976,612	650,198,841
		Phải thu phi TM		133,574,000
<i>Công ty cổ phần công nghệ Thiên Vận</i>	Công ty liên kết	Phải thu TM	900,996	792,000
<i>Công ty cổ phần định vị Tiên Phong</i>	Công ty liên kết	Phải thu TM	511,161,685	489,845,729
		Phải thu phi TM	71,360,000	12760000
<i>Công ty TNHH đầu tư hạ tầng Toàn Cầu</i>	Bên liên quan	Phải thu TM	64,394,976	132,070,752
<i>Công ty cổ phần Thái Sơn Tiên Phong</i>	Bên liên quan	Phải thu TM	1,125,826,997	800,000,000
		Phải thu phi TM	314,710,000	248,269,092
<i>Công ty TNHH liên doanh Global Sitem</i>	Bên liên quan	Phải thu TM	158,960,067	49,725,172
<i>Công ty cổ phần thiết bị điện Thạch Anh</i>	Bên liên quan	Phải thu TM	5,644,640,539	19,924,561
		Phải thu phi TM	468,394,127	
<i>Công ty cổ phần thanh toán trực tuyến mùa xuân</i>	Bên liên quan	Phải thu TM	6,532,250	23,075,567
<b>Bên liên quan</b>	<b>Quan hệ</b>	<b>Bản chất số dư</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/04/2012</b>
<b>Các khoản phải trả</b>				
<i>Công ty CP công nghệ tự động Tân Tiến</i>	Công ty con	Phải trả TM	(6,083,146,487)	(2,245,485,629)
		Phải trả phi TM	237,380,100	237,380,100
<i>Công ty cổ phần tin học Siêu Tính</i>	Công ty con	Phải trả TM	20,696,852	10,346,941
		Phải trả phi TM	136,020,000	326,066,000
<i>Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh</i>	Công ty con	Phải trả TM	(2,997,516,972)	3,106,836,897
		Phải trả phi TM	173,042,136	194,277,636
<i>Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông</i>	Công ty con	Phải trả TM	77,520,000	19,606,400
		Phải trả phi TM	129,828,000	129,828,000
<i>Công ty TNHH một thành viên phần mềm Tiên Phong</i>	Công ty con	Phải trả TM		4,276,500,000
		Phải trả phi TM	350,000,000	
<i>Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu</i>	Công ty con	Phải trả TM	1,519,856,060	4,632,842,138
		Phải trả phi TM	5,360,908,625	9,287,528,000
<i>Công ty cổ phần công nghệ Thiên Vận</i>	Công ty liên kết	Phải trả TM		(77,253,825)
<i>Công ty TNHH đầu tư hạ tầng Toàn Cầu</i>	Bên liên quan	Phải trả phi TM	102,200,000	
<i>Công ty TNHH liên doanh Global Sitem</i>	Bên liên quan	Phải trả phi TM	84,967,785	

**13. Thông tin về bộ phận**

Cơ cấu doanh thu, lãi gộp theo lĩnh vực kinh doanh đến 31 tháng 12 năm 2012

<b>Lĩnh vực</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Giá vốn</b>	<b>Lãi gộp</b>
Viễn thông - Tin học	20,532,705,816	16,822,341,497	3,710,364,319
Hạ tầng - Giao thông	56,121,249,796	42,262,395,633	13,858,854,163
Lĩnh vực khác	10,536,475,783	7,559,893,686	2,976,582,097
<b>Tổng cộng</b>	<b>87,190,431,395</b>	<b>66,644,630,816</b>	<b>20,545,800,579</b>



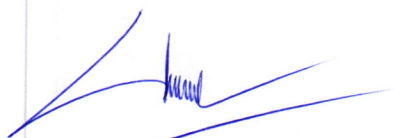
**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ kế toán từ 01/10/2012 đến 31/12/2012

<i>Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh</i>	Công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	857,771,908	271,780,970
		Cho vay	3,048,030,500	
		Nhận tiền cho vay	2,400,000,000	
		Thu nhập lãi	355,078,921	28,119,000
		Nhận cổ tức	3,558,840,000	
		Phí nhượng quyền		521,720,000
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,062,869,702	327,437,926
<i>Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông</i>	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	(1,347,935,930)	(1,236,962,820)
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	761,770,062	228,854,915
		Mua hàng, dịch vụ	(464,458,663)	(75,610,500)
<i>Công ty TNHH một thành viên phần mềm Tiên Phong</i>	Công ty con	Nhận cổ tức	4,500,000,000	2,000,000,000
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	520,945,317	155,052,758
		Mua hàng hóa, dịch vụ	(1,600,247,547)	(1,260,000,000)
		Góp vốn		1,387,099,100
<i>Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu</i>	Công ty con	Nhận cổ tức	11,561,897,200	
		Vay	1,540,500,000	(1,800,000,000)
		Trả tiền vay	(4,621,500,000)	
		Lãi vay	(230,773,350)	(28,119,000)
		Phí nhượng quyền	1,084,836,000	295,233,000
		Mua hàng, dịch vụ	(137,998,724)	(250,107,563)
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,698,463,857	518,391,512
		Mượn tiền	(3,250,000,000)	(2,350,000,000)
<i>Công ty cổ phần công nghệ Thiên Vận</i>	Công ty liên kết	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	265,980,529	720,000
		Mượn tiền		
		Mua hàng, dịch vụ	(523,574,544)	(7,826,250)
<i>Công ty cổ phần thanh toán trực tuyến mùa xuân</i>	Bên liên quan	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	20,326,250	5,580,000
<i>Công ty cổ phần định vị Tiên Phong</i>	Công ty liên kết	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	19,378,141	21,847,390
		Cho vay	20,000,000	100,000,000
		Nhận tiền cho vay	20,000,000	
		Thu nhập lãi	39,869,333	12,760,000
		Mua hàng, dịch vụ	(39,076,045)	
<i>Công ty TNHH đầu tư hạ tầng Toàn Cầu</i>	Bên liên quan	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	465,424,059	120,064,320
<i>Công ty cổ phần thiết bị điện Thạch Anh</i>	Bên liên quan	Mua hàng, dịch vụ		
		Chuyển nhượng	1,050,000,000	
		Thu nhập lãi	468,394,127	(605,000)
		Cho vay	6,718,223,228	
		Nhận tiền cho vay	1,078,000,000	
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	4,657,500	2,520,000
<i>Công ty cổ phần Thái Sơn Tiên Phong</i>	Bên liên quan	Mua hàng, dịch vụ	980,000,000	
		Góp vốn	(300,000,000)	
		Nhận tiền cho vay	300,000,000	
		Thu nhập lãi	74,350,000	37,440,000
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	856,778,906	

**14. Giải trình chênh lệch lợi nhuận**

Chỉ tiêu	Quý IV/2012	Quý IV/2011	Chênh lệch	So sánh
Tổng doanh thu	22,210,706,307	109,362,039,665	(87,151,333,358)	-80%
Lợi nhuận gộp	4,687,641,285	14,445,634,551	(9,757,993,266)	-68%
Doanh thu tài chính	9,103,140,787	5,627,753,925	3,475,386,862	62%
Chi phí tài chính	2,773,428,293	8,112,561,369	(5,339,133,076)	-66%
Tổng lợi nhuận sau thuế	6,910,046,086	3,594,845,404	3,315,200,682	92%

Tổng doanh thu từ 01/10/2012 đến 31/12/2012 giảm 80% so với cùng kỳ năm trước, tỷ lệ giảm này khá cao là do giai đoạn này, công ty ký nghiệm thu được các dự án với giá trị thấp. Và cũng chịu ảnh hưởng 1 phần từ khó khăn của nền kinh tế Việt Nam. Doanh thu Tuy nhiên, doanh thu tài chính lại tăng 62% so với năm trước là do cổ tức nhận được của 2 công ty con khá cao. Đồng thời chi phí tài chính lại giảm 66% vì lãi vay cho khoản vay dài hạn để đầu tư vào tòa nhà giảm gần 2 tỷ và kỳ kế toán này không trích dự đầu tư dài hạn. Chính các yếu tố trên làm cho lợi nhuận kỳ này tăng so với kỳ trước là 92%



**Trương Thị Phương Dung**  
 Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 01 năm 2012




**Nguyễn Thị Bạch Tuyết**  
 Tổng giám đốc

